

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc Linh
Ông Trần Nhị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị L, sinh năm 1993. Vắng mặt

Trú tại: Tổ 06, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Điều B, sinh năm 1986. Có mặt

Trú tại: Tổ 04, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thị L trình bày:

Anh B và chị L tự nguyện về chung sống với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 2021 thì mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không chăm lo cho vợ con, từ năm 2021 hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau khiến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị L cảm thấy hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn với anh Điều B.

Về con chung: Anh B và chị L có 01 người con chung tên Điều Đức Đ – sinh ngày 27/01/2018. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Điều B trình bày:

Anh B và chị L, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2017. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Theo phong tục của dân tộc nên anh B phải ở rể nhà bố mẹ chị L. Năm 2021, anh B bị bệnh nhưng không ai chăm sóc vì chị L phải đi làm và lo cho con cái. Vì vậy, anh B đã về nhà bố mẹ sinh sống khiến cho chị L và bố mẹ của chị L bất mãn nên khi anh B thấy sức khỏe đã ổn định thì bố mẹ của chị L không cho anh B quay lại nhà chị L nên anh B phải ở nhà của bố mẹ ruột từ đó cho đến nay. Nay anh B thấy vẫn còn tình cảm với vợ con nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh B không đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con tên Điều Đức Đ – sinh ngày 27/01/2018. Khi ly hôn, anh B đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều B cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị L thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Anh B và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2017. Anh B với chị L sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B bị bệnh rồi về nhà bố mẹ để sống, không còn chung sống với chị L, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ đó cho đến nay khiến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh B không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy chị L và anh B đã không còn chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh B, chị L có 01 người con tên Điều Đức Đ – sinh ngày 27/01/2018. Xét thấy, cháu Đ còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, hiện nay cháu Đ đang chung sống ổn định với chị L, từ nhỏ đến nay chủ yếu do chị L chăm sóc. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu Đ một cuộc sống ổn định về tâm sinh lý nên cần giao cháu Đ cho chị L trực tiếp chăm sóc. Chị L yêu cầu được nuôi con, anh B đồng ý, cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị L và anh Điều B

Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 01/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Điều Đức Đ – sinh ngày 27/01/2018 cho chị Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Thị L phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013740 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải